TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25/02/2025

V/v tranh chấp: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Nguyễn Quốc An.**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Đỗ Hữu Vị.**

2. Ông **Nguyễn Văn Cường.**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Trần Hữu Vĩnh**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày **25** tháng **02** năm **2025**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 248/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp "Xin ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh **Bùi Thanh H**, sinh năm 1981.(có mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
** Bị đơn:* Chị **Hà Thị T**, sinh năm 1978.(vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06 tháng 8 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Bùi Thanh H trình bày:

Anh và chị Hà Thị T sống chung năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện G vào năm 2007. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay thấy không còn tình cảm với chị T, anh yêu cầu tòa án giải quyết, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh H yêu cầu được ly hôn chị Hà Thị T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Bùi Hải P, sinh ngày 21/3/2002 và Bùi Như Ý, sinh ngày 11/01/2007. Hai cháu Hải P và Như Ý đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Bị đơn chị Hà Thị T đã được tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Thanh H.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị Hà Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Thanh H và chị Hà Thị T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 108, quyển số 02/2007, ngày 20/8/2007, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Anh Bùi Thanh H cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay. Nay không còn tình cảm với chị T nên anh H xin ly hôn với chị Hà Thị T.

[4] Tại phiên hòa giải ngày 05/11/2024, bị đơn chị Hà Thị T thống nhất theo đơn khởi kiện của anh Bùi Thanh H và đồng ý ly hôn với anh Bùi Thanh H.

[5] Xét, anh anh Bùi Thanh H và chị Hà Thị T mâu thuẫn đã trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay; chị Hà Thị T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; giữa anh Bùi Thanh H và chị Hà Thị T không còn sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên anh Bùi Thanh H xin ly hôn chị Hà Thị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[6] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Có 02 người con tên Bùi Hải P, sinh ngày 21/3/2002 và Bùi Như Ý, sinh ngày 11/01/2007. Hai cháu Hải P và Như Ý đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Xét, cháu Hải P và Như Ý đến ngày xét xử đã trưởng thành, lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bùi Thanh H trình bày không có, chị Hà Thị T trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ.

[10] Về án phí: Nguyên đơn anh Bùi Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Bùi Thanh H được ly hôn với chị Hà Thị T.

- Về con chung: Có 02 người con tên Bùi Hải P, sinh ngày 21/3/2002 và Bùi Như Ý, sinh ngày 11/01/2007. Hai cháu Hải P và Như Ý đã trưởng thành, lao động được nên Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Anh Bùi Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013665 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, nên xem như đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Thành, huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc An